

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục.....	1
2. Quyết định về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở	2
3. Bản công bố TCCS 02: 2009	3
4. Lời nói đầu.....	4
5. Tiêu chuẩn cơ sở - TCCS 02: 2009/WAPICO	5
I. Phạm vi áp dụng.....	5
II. Phân loại và các thông số kỹ thuật cơ bản.....	5
III. Vật liệu.....	7
IV. Yêu cầu kỹ thuật.....	8
V. Phương pháp thử	8
VI. Ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản.....	8
VII. Tài liệu tham khảo	9

CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI
THĂNG LONG

Số 029.2014/TCCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.
Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.
Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH nhựa Wapi Thăng Long.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI THĂNG LONG

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 02: 2009/WAPICO lần thứ 2.
Áp dụng cho sản phẩm: Ống và phụ kiện nhựa PP R
Nhãn hiệu: WAPICO®

Điều 2: Các bộ phận liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công ty TNHH Nhựa Wapi Thăng Long


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Trọng

Nơi nhận:
- Chi cục TCĐLCL Hà Nội: (để b/c)
- Như Điều 3.
- Lưu VP.

CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI
THĂNG LONG

Số 039.2014/TCCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----  -----

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 02: 2009/WAPICO
Ban hành Lần thứ 2.

Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI THĂNG LONG**
Địa chỉ: Thạch Hòa, Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
Văn phòng: 740, Đường Láng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 04. 3259 5145. fax. 04. 3775 5508

CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI THĂNG LONG

CÔNG BỐ

Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 02: 2009/WAPICO.
Ban hành: Lần thứ 2.
Áp dụng cho sản phẩm: Ống và phụ kiện nhựa PP R
Nhãn hiệu: WAPICO®
Số Giấy đăng ký độc quyền: 73900/QĐ-SHTT ngày 10/12/2009.

Công ty TNHH nhựa Wapi Thăng Long cam kết:

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm Ống và phụ kiện nhựa PP R, nhãn hiệu WAPICO® đúng tiêu chuẩn công bố.

Công ty TNHH Nhựa Wapi Thăng Long


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Trang

LỜI NÓI ĐẦU

CÔNG TY TNHH NHỰA WAPI THĂNG LONG chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã quan tâm sử dụng các sản phẩm ống và phụ kiện nhựa hàn nhiệt PP R, nhãn hiệu WAPICO® trong thời gian qua.

Công ty nhựa Wapi Thăng Long chuyên sản xuất, kinh doanh ống và phụ kiện nhựa hàn nhiệt PP R phục vụ thị trường xây dựng và người tiêu dùng tại Việt Nam.

WAPICO® là nhãn hiệu sản phẩm độc quyền của Công ty Nhựa Wapi Thăng Long đã được đăng ký và bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

WAPICO® được sản xuất theo công nghệ và tiêu chuẩn châu Âu đã **Khẳng định đẳng cấp vượt trội** về chất lượng sản phẩm cũng như phong cách phục vụ người tiêu dùng trên thị trường xây dựng.

Với cam kết chất lượng sản phẩm ổn định và luôn giữ được uy tín với người tiêu dùng trong thời gian qua, nhãn hiệu WAPICO® đã được bình chọn và công nhận:

1. **Huy chương Vàng về chất lượng** tại Hội chợ Quốc tế về vật liệu xây dựng.
2. **Nhãn hiệu nổi tiếng, Nhãn hiệu cạnh tranh năm 2013.**
3. Được tôn vinh **Sản phẩm vàng – Dịch vụ Vàng năm 2013.**

Để nâng cao hơn nữa chất lượng của sản phẩm và đáp ứng kịp thời các điều kiện cũng như yêu cầu khắt khe của tiêu chuẩn mới (*Tiêu chuẩn Châu Âu*); đồng thời bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng - Công ty Nhựa Wapi Thăng Long chính thức ban hành Lần thứ 2:

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ - TCCS 02: 2009/WAPICO.

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Doanh nghiệp:	Công ty TNHH nhựa Wapi Thăng Long.
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	Wapi Thang Long Plastic Co., Ltd.
Mã số doanh nghiệp:	010 593 5829.
Văn phòng:	740, Đường Láng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	04. 3259 5145. fax. 04. 3775 5508
Nhà máy:	KCN. Hòa Lạc, Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	04. 6654 3141. fax. 04. 33687709.
Email:	nhuawapi@yahoo.com ; nhuawapithanglong@gmail.com
Website:	www.wapico.com.vn ;

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**TCCS 02: 2009/WAPICO****Ban hành lần thứ 2.****I. PHẠM VI ÁP DỤNG.**

1. Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 02: 2009/WAPICO được Công ty Nhựa Wapi Thăng Long ban hành lần thứ 2 theo các tiêu chuẩn:
 - Tiêu chuẩn DIN 8077: 2008; Din 8078: 2008; DIN 16962-5: 2000;
 - Tiêu chuẩn TCVN 4560 – 1988, TCVN 6186 – 1996,
 - Tiêu chuẩn ICP;
 - Quyết định số: QĐ 3339/2001/QĐ-BYT, QĐ 46/2007/QĐ-BYT.
 Tiêu chuẩn này được áp dụng đầy đủ trong quá trình sản xuất các sản phẩm ống và phụ kiện nhựa PP-R mang nhãn hiệu WAPICO®.
2. WAPICO® được sản xuất từ nguyên liệu chính là nhựa polypropylen (PP) nhập khẩu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore
3. Ống WAPICO® được sản xuất bằng phương pháp ép đùn. Phụ kiện WAPICO® được sản xuất bằng phương pháp ép phun không có đầu nong theo công nghệ Châu Âu tại nhà máy của Công ty Nhựa Wapi Thăng Long.

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA WAPICO®.**1. Phân loại sản phẩm****a. WAPICO® có hai sản phẩm chính:**

- Ống nhựa PP-R
- Phụ kiện nhựa PP-R.

b. Theo các chỉ tiêu của tiêu chuẩn Châu Âu, ống nhựa PP R nhãn hiệu WAPICO® có 02 loại chính thường được sử dụng cho thị trường Việt Nam:

- Ống dẫn nước nóng (PN20) - ký hiệu: H.
- Ống dẫn nước lạnh (PN10) - ký hiệu: C.

Các cấp độ kích cỡ của ống đang được sản xuất chủ yếu từ Ø 20 đến Ø 110.

c. Ngoài sản phẩm ống nhựa PP-R nêu trên, các sản phẩm phụ kiện PP-R dùng để kết nối hệ thống được sản xuất đầy đủ theo các kích cỡ tương ứng từ Ø 20 đến Ø 110.**2. Kích thước cơ bản và mức quy định theo tiêu chuẩn:****a. Các loại ống:**

Số TT	Cỡ ống	Loại ống	Tên chỉ tiêu					
			Đường kính ngoài (mm)	Độ dày (mm)	Độ oval (mm)	Độ co ngót dọc (%)	Độ bền va đập (KJ/m ²)	Độ chịu áp: thử trong 01h với t° là 20°C
1	Ø20	PN10	20 ^{+0.3}	2,3 ^{+0.3}	≤ 0,6	≤ 2,0	Không gãy	Không rò rỉ
		PN20	20 ^{+0.3}	3,4 ^{+0.3}	≤ 0,6	≤ 2,0	Không gãy	Không rò rỉ

2	Ø25	PN10	25 ^{+0.3}	2,8 ^{+0.3}	≤ 0,6	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
		PN20	25 ^{+0.3}	4,2 ^{+0.3}	≤ 0,6	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
3	Ø32	PN10	32 ^{+0.3}	2,9 ^{+0.3}	≤ 0,7	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
		PN20	32 ^{+0.3}	5,4 ^{+0.3}	≤ 0,7	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
4	Ø40	PN10	40 ^{+0.3}	3,7 ^{+0.3}	≤ 0,8	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
		PN20	40 ^{+0.4}	6,7 ^{+0.4}	≤ 0,8	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
5	Ø50	PN10	50 ^{+0.5}	4,6 ^{+0.3}	≤ 0,9	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
		PN20	50 ^{+0.3}	8,3 ^{+0.5}	≤ 0,9	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
6	Ø63	PN10	63 ^{+0.4}	5,8 ^{+0.8}	≤ 1,4	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
		PN20	63 ^{+0.6}	10,5 ^{+0.9}	≤ 1,4	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
7	Ø75	PN10	75 ^{+0.7}	6,8 ^{+0.7}	≤ 1,5	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
8	Ø90	PN10	90 ^{+0.9}	8,2 ^{+1.1}	≤ 1,7	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ
9	Ø110	PN10	110 ^{+0.9}	10,0 ^{+1.3}	≤ 2,0	≤ 2,0	Không gây	Không rò rỉ

b. Các loại Phụ kiện:

TT	Tên sản phẩm	Kích cỡ	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Mức quy định
1	Măng sông	Ø20 - Ø110	Độ bền áp lực trong 1h: - Áp lực thử 25.0 KG/m ² - Nhiệt độ nước thử 20°C	DIN 16962-5: 2000	Không rò rỉ
2	Cút	Ø20 - Ø110			Không rò rỉ
3	Tê đều	Ø20 - Ø110			Không rò rỉ
4	Chéch	Ø20 - Ø110			Không rò rỉ
5	Rãcco	Ø20 - Ø63			Không rò rỉ
6	Tê thu	Ø20 - Ø110			Không rò rỉ
7	Côn thu	Ø20 - Ø110			Không rò rỉ
8	Nút bịt	Ø20 - Ø50			Không rò rỉ

9	Măng sông ren trong	Ø20 - Ø63	Độ bền áp lực trong 1h: - Áp lực thử 25.0 KG/m ² - Nhiệt độ nước thử 20	DIN 16962-5: 2000	Không rò rỉ
10	Măng sông ren ngoài	Ø20 - Ø75			Không rò rỉ
11	Cút ren trong	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
12	Cút ren ngoài	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
13	Tê ren trong	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
14	Tê ren ngoài	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
15	Rãcco ren trong	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
16	Rãcco ren ngoài	Ø20 - Ø32			Không rò rỉ
17	Van hàm ếch	Ø20 - Ø63			Không rò rỉ
18	Van cửa đồng	Ø20 - Ø63	Không rò rỉ		

3. Các chỉ tiêu về an toàn VSTP.

a. Các sản phẩm ống và phụ kiện PPR nhãn hiệu WAPICO trong quá trình sử dụng phải đảm bảo được các chỉ tiêu an toàn: không phát sinh độc tố, không tạo điều kiện cho vi sinh vật phát triển, không gây nên mùi khó chịu và không làm đục hoặc đổi màu nước.

b. Các thông số cụ thể về các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm, hàm lượng kim loại nặng trong vật liệu phải đạt theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

c. Bảng chỉ tiêu hàm lượng kim loại thôi nhiễm

Số tt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định
Hàm lượng kim loại thôi nhiễm:		<i>Quyết định số 46/2007/QĐ - BYT ngày 19/12/2007</i>		
1	Hàm lượng Lead Pb	ppm	ICP	≤ 2
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	ppm	ICP	≤ 2
3	Hàm lượng Asen (As)	ppm	ICP	≤ 2
4	Hàm lượng Antimon (Sb)	ppm	ICP	≤ 2

III. VẬT LIỆU:

- Vật liệu chính dùng để sản xuất ống nhựa PP R là nhựa nguyên chất polypropylen (PP). Trong quá trình sản xuất, cho phép được sử dụng thêm phụ gia chống oxy hoá; chất ổn định và hạt màu, nhưng phải thoả mãn các tiêu chuẩn kỹ thuật và mục đích sử dụng.
- Chỉ được phép dùng lại những vật liệu sạch là phế liệu sinh ra trong quá trình sản xuất nếu có cùng nguồn gốc với loại nhựa dùng trong quá trình sản xuất tương ứng.

3. Các loại lõi van và ren dùng để sản xuất phụ kiện được sản xuất từ đồng, mạ niken đạt tiêu chuẩn theo quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

IV. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Đặc điểm bên ngoài:

- Khi quan sát bằng mắt thường: bề mặt bên trong và bên ngoài của ống phải nhẵn, sạch và không có vết trầy xước, nứt nẻ.
- Bề mặt ống không lẫn những tạp chất bẩn.
- Đầu ống, cuối ống phải được cắt gọn và vuông góc với trục ống.
- Các phụ kiện kết nối phải nhẵn, không có via để đảm bảo khi hàn có độ kết gắn tốt.

2. Màu sắc:

- Ống và phụ kiện có 02 màu chuẩn theo quy định là màu trắng và màu xanh. Màu sắc trong cùng một lô hàng phải đồng nhất.
- Mỗi ống có một đường chỉ dài chạy dọc và song song với trục ống. Màu sắc các đường chỉ được quy định như sau:
 - Màu xanh: dùng cho ống dẫn nước lạnh (C).
 - Màu đỏ: dùng cho ống dẫn nước nóng (H).

V. PHƯƠNG PHÁP THỬ:

1. Lấy mẫu:

- Số lượng ống trong mỗi lô cần kiểm tra không lớn hơn 1.000 ống. Lô hàng là ống nước cùng loại, cùng kích thước. Tỷ lệ lấy mẫu là 1% nhưng không ít hơn 10 ống.
- Việc lấy mẫu phải tiến hành sao cho mẫu thử đại diện cho toàn bộ lô ống, bao gồm các ống nước được phân bố đều khắp trong lô.

2. Phân chia mẫu:

- Kiểm tra các chỉ tiêu về đặc điểm bên ngoài: màu sắc, kích thước của các mẫu đã lấy.
- Xác định các chỉ tiêu cơ lý: 3 ống.
- Xác định các chỉ tiêu an toàn VSTP, hàm lượng kim loại nặng: 3 ống.

3. Tiến hành thử:

- Tại nhà máy:
 - Kiểm tra các chỉ tiêu về kích thước cơ bản bằng các dụng cụ đo chiều dài, độ dày với độ chính xác tới 0,02 mm.
 - Giá trị của từng chỉ tiêu là trung bình cộng kết quả của các mẫu thử.
 - Kiểm tra đặc điểm bên ngoài, màu sắc bằng phương pháp trực quan.
- Tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng:
 - Xác định kích thước cơ bản theo tiêu chuẩn DIN 8077: 2008.
 - Đường kính ngoài.
 - Độ dày của ống.
 - Xác định độ oval của ống theo tiêu chuẩn: DIN 8078: 2008.
 - Xác định độ co ngót chiều dọc của ống theo tiêu chuẩn: DIN 8078: 2008.
 - Xác định độ bền va đập theo tiêu chuẩn: DIN 8078: 2008.
 - Xác định độ chịu áp lực trong nhiệt độ nước 20°C theo tiêu chuẩn: DIN 8078: 2008.
 - Xác định độ chịu áp lực của phụ kiện kết nối theo tiêu chuẩn: DIN 16962-5: 1996.
 - Kiểm tra các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm dựa vào chỉ số hàm lượng kim loại nặng và thôi nhiễm trong vật liệu theo QĐ 3339/2001/BYT; QĐ46/2007/ BYT của Bộ Y tế và TCVN 4560: 1988, TCVN: 1996 của Việt Nam.

VI. GHI NHÃN, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN.

1. Ghi nhãn:

- Nhãn sản phẩm được thực hiện theo Nghị định 89/2006/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành quy định về nhãn hàng hóa.
- Trên bề mặt của từng ống nước, nhãn sản phẩm được in bằng mực không phai, rõ ràng các nội dung thông tin:

- Tên và nhãn hiệu sản phẩm: Ống nhựa PP – R: WAPICO.
- Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Nhựa Wapi Thăng long.

- Ký hiệu chủng loại ống.
 - Ống dẫn nước nóng: H.
 - Ống dẫn nước lạnh: C.
 - Đường kính ngoài danh nghĩa x độ dày của ống x chiều dài của ống.
Ví dụ: - Ống dẫn nước lạnh: C Ø20mm x 2,3mm x 4,000mm
 - Ống dẫn nước nóng: H Ø20mm x 3,4mm x 4,000mm
- Thông tin thể hiện trên sản phẩm của tiêu chuẩn này:
 - Ví dụ: Ống dẫn nước lạnh Ø25:
WAPICO PP-R PN10 COLD WATER PIPE C25 x 2,8mm x 4,000mm *** DIN 8077: 2008 AND DIN 8078: 2008 GERMANY TECHNOLOGY. SX TẠI KCN HOA LAC, HA NOI. www.wapico.com.vn

c. Trên phụ kiện thể hiện (đúc nổi) chỉ số về kích cỡ, logo và nhãn hiệu sản phẩm.

2. Vận chuyển:

Ống dẫn nước và các phụ kiện được vận chuyển bằng các phương tiện phù hợp, đảm bảo không bị ảnh hưởng đến chất lượng.

3. Bảo quản:

- a. Ống dẫn nước và các phụ kiện được xếp trong kho theo từng loại cùng kích thước và kích cỡ. Ống nước phải được xếp song song với mặt phẳng của nền, đảm bảo không bị ảnh hưởng đến chất lượng.
- b. Phụ kiện phải sau khi đóng gói được xếp trên khung kệ theo từng loại, dễ nhận biết và xuất nhập thuận tiện. Tuyệt đối không để hàng hóa chồng chất, đè nén quá nặng lên nhau gây ra trầy xước hoặc dập vỡ.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ

1. DIN 8077: 2008. Ống nhựa PPR.
2. DIN 8078: 2008. Ống nhựa PPR.
3. DIN 16965-5: 2000. Phụ kiện kết nối.
4. QĐ 3339/2001/BYT; QĐ46/2007/ BYT của Bộ Y tế; TCVN 7434: 2004; ASTM D1599: 1999; TCVN 4560: 1988 và TCVN: 1996 về chỉ tiêu an toàn VSTP (Quy định Chỉ tiêu an toàn Vệ sinh thực phẩm).

Công ty TNHH nhựa Wapi Thăng Long

